

TỜ TRÌNH

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Theo nhu cầu thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể sau:

I. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, nhằm xác định mục tiêu, định hướng, dự án đầu tư công đảm bảo phù hợp với quy định của Luật, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, các quy hoạch đã được phê duyệt, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của thành phố. Đồng thời là căn cứ pháp lý bước đầu để chuẩn bị thủ tục đầu tư các công trình theo Luật định.

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý.

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

III. Quan điểm, mục tiêu và định hướng đầu tư

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng chung

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bám sát và thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã được thông qua và các quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước thực sự trở thành nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế khác. Không bố trí vốn đầu tư ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác đã đầu tư.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, đặc biệt là các dự án giao thông có tính chất liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, dự án cấp bách phòng, chống thiên tai.

- Phân bổ vốn gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tạo mọi điều kiện, thúc đẩy liên kết vùng, thu hẹp dần khoảng cách phát triển, tạo động lực tăng trưởng mới, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn. Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường chủ động các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

2. Mục tiêu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Từng bước hoàn chỉnh và nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng theo quy hoạch, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, văn hóa, giáo dục... Tập trung các dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn, có tính kết nối và lan tỏa, đột phá đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Hỗ trợ các dự án quốc phòng – an ninh để gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Định hướng cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

Vốn đầu tư công bố trí cho các lĩnh vực được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Giao thông: Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường trên địa bàn thành phố, chuẩn bị hạ tầng giao thông để nâng thành phố Sóc Trăng đạt đô thị loại II như: đường Trần Hưng Đạo, đường Nguyễn Đình Chiểu, đường Lý Thường Kiệt...

- Giáo dục đào tạo và Giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư cơ sở vật chất cho các cấp học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia, đảm bảo huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường như: trường Tiểu học Phú Lợi phường 2, trường THCS Dương Kỳ Hiệp...

- Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao: các dự án thuộc hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục thể thao, vừa xây dựng môi trường văn hóa vừa đẩy mạnh phong trào thể dục – thể thao như: Trung tâm Văn hóa phường...

- Quản lý nhà nước: các dự án cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trụ sở làm việc của khóm, Ủy ban nhân dân phường

IV. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công theo quy định

- Về nguồn vốn tỉnh hỗ trợ: Được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho thành phố tập trung cho các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế; các công trình ứng phó và biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác.

V. Khả năng huy động và cân đối nguồn vốn

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng được phê duyệt tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/5/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố, bổ sung là **983.818.900.000 đồng với 117 dự án**, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 627.137.000.000 đồng với 88 dự án.

- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 58.085.900.000 đồng với 04 dự án.

- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 298.596.000.000 đồng với 25 dự án, trong đó:

+ Từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 241.520.000.000 đồng với 21 dự án.

+ Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610.000.000 đồng với 01 dự án.

+ Từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.570.000.000 đồng với 01 dự án.

+ Từ nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công: 27.206.000.000 đồng với 01 dự án.

+ Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021: 690.000.000 đồng với 01 dự án

2. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng sau điều chỉnh, bổ sung là **982.548.900.000 đồng với 117 dự án**, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 627.137.000.000 đồng với 88 dự án.

- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 58.085.900.000 đồng với 04 dự án.
- Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 297.326.000.000 đồng với 25 dự án, trong đó:
 - + Từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết: 240.250.000.000 đồng với 21 dự án.
 - + Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.570.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công: 27.206.000.000 đồng với 01 dự án.
 - + Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021: 690.000.000 đồng với 01 dự án

(Đính kèm Phụ lục, Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII)

*** Nguyên nhân điều chỉnh**

- Điều chỉnh Giảm kế hoạch vốn trung hạn đối với các dự án nguồn tỉnh hỗ trợ cho ngân sách thành phố từ nguồn xổ số kiến thiết theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

VI. Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được

1. Giải pháp thực hiện

- Các phòng, ban, ngành, chủ đầu tư tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư và các chỉ đạo điều hành của cấp trên.
- Đối với các dự án mới khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy định nhằm đảm bảo đủ điều kiện trình cấp thẩm quyền quyết định giao kế hoạch trung hạn và hằng năm.
- Các dự án chuyển tiếp khẩn trương đẩy nhanh tiến độ các thủ tục đúng quy định. Chủ đầu tư chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan trong việc xử lý các thủ tục để rút ngắn thời gian thực hiện.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của các dự án.
- Các phòng, ban, ngành, chủ đầu tư xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, trọng tâm hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Dự kiến kết quả đạt được của phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn

Thu hồi dứt điểm vốn ứng đúng quy định.

Các dự án đảm bảo theo tiến độ quy định, phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân vốn.

Không có nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật đầu tư công và Luật ngân sách.

Các dự án sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi diện mạo địa phương, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng, điều kiện sống của người dân.

Trên đây nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng/*ML*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND;
- Chủ tịch, các PCT;
- Chánh VP;
- P.TCKH;
- Ban QLDA ĐTXD;
- NCTH;
- Lưu: VT, TCKH, L.

Rul

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Tôn Văn Lợi

Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TỪ NGUỒN VỐN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo *Tờ trình số 10/TTr-UBND* ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)



ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Tổng số Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/5/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng số	983.818,900	0,000	-1.270,000	982.548,900
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	627.137,000	0,000	0,000	627.137,000
	Cân đối	183.137,000	0,000	0,000	183.137,000
	Sử dụng đất	444.000,000	0,000	0,000	444.000,000
2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	58.085,900	0,000	0,000	58.085,900
3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố	298.596,000	0,000	-1.270,000	297.326,000
3.1	Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	690,000	0,000	0,000	690,000
3.2	Từ nguồn Xổ số kiến thiết	241.520,000	0,000	-1.270,000	240.250,000
3.3	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	14.610,000	0,000	0,000	14.610,000
3.4	Nguồn tỉnh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công	27.206,000	0,000	0,000	27.206,000
3.5	Tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	14.570,000	0,000	0,000	14.570,000



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Xem theo Tờ trình số 904/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
	TỔNG SỐ				602.680,000	602.680,000	-	598.433,455	583.433,322	-	-	627.137,000	0,000	0,000	627.137,000				
A	NGUỒN VỐN CẤP ĐỐI NGẦN SÁCH THÀNH PHỐ				191.052,000	191.052,000	-	188.754,982	183.754,982	-	-	183.137,000			183.137,000				
I	Chuẩn bị đầu tư											6.825,756			6.825,756				
II	Thực hiện dự án				191.052,000	191.052,000		188.754,982	183.754,982			162.802,335			162.802,335				
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					14.500,000		14.497,512	14.497,512	-	-	13.952,129			13.952,129				
I	Xây dựng Trường Tiểu học Lý Đạo Thành thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Cải tạo khôi phục trung tâm văn hóa thể thao phường 3 thành phố hành chính quản trị và phòng chức năng	122/NQ-HBND ngày 23/10/2020	14.500,000	14.500,000	1477/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.497,512	14.497,512		13.952,129			13.952,129				
	Lĩnh vực Giao thông					116.675,000	116.675,000	-	116.743,580	111.743,580	-	104.312,883			104.312,883				
	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ UBND phường 5 đến cây xăng Nam Sông Hậu), phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Tổng chiều dài 1.800 m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7 cm, sơn tín hiệu và năng hồ gạ	Nghị quyết số 127/NQ-HBND ngày 23/10/2020	14.300,000	14.300,000	Quyết định số 1482 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	13.248,772	13.248,772		12.089,012			12.089,012				
2	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C747 đến đường Nguyễn Chí Thiệu), phường 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng	P6, P8	2021-2025	Tổng chiều dài 340m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7cm, sơn tín hiệu và năng hồ gạ	Nghị quyết số 124/NQ-HBND ngày 23/10/2020	3.200,000	3.200,000	Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.857,105	2.857,105		2.484,728			2.484,728				
3	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Chiều dài tuyến dài khoảng: 755m, Lốp bê tông nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 45/NQ-HBND ngày 18/7/2021	7.600,000	7.600,000	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	7.328,784	7.328,784		6.655,017			6.655,017				
4	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, Thoát nước, chiều sáng	Nghị quyết số 61/NQ-HBND ngày 07/9/2021	3.500,000	3.500,000	Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	3.314,307	3.314,307		2.943,925			2.943,925				
5	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Định Của (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lốp bê tông nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HBND ngày 18/7/2021	11.750,000	11.750,000	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606,256	11.606,256		9.707,234			9.707,234				

Đem vi: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chưa trưng đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trđ đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chi
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
6	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè vị trí lồi lên xuống hiện hữu bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt; Lát mới nền đá granite nhám khò; Mở rộng mặt sân bờ kè rộng thêm 3,0m	9.950,000	9.950,000	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	9.950,000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	9.950,000		9.140,763			9.140,763	
7	Cải tạo, nâng cấp Cầu 19/5 phường 5, công Thành niên và cải tạo đường kênh Trương Thọ phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Cải tạo cầu Thành niên, đường Lý Thành Tông nói dài; Cải tạo cầu 19/5	5.000,000	5.000,000	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.534,773	4.534,773	Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 28/10/2022			4.534,000			4.534,000	
8	Đường cấp kênh 30/4 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hồ đến Khu dân cư Minh Châu), phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 750m, bề rộng mặt đường 10,5m ; Mặt đường láng nhựa đá dăm, chiếu sáng, thoát nước	14.975,000	14.975,000	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.329,571	14.329,571	Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 11/10/2021			13.846,204			13.846,204	
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Chùa Đại Giác), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Chiều dài tuyến: 789m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tưới nhựa dính bảm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2	5.000,000	5.000,000	Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	4.983,973	4.983,973	Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 27/10/2022			4.983,000			4.983,000	
10	Cải tạo mặt đường Cao Thắng (đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết khóm dài đua ghe ngo), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 650m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	6.900,000	6.900,000	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	6.900,000	6.900,000	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 13/9/2021			6.555,000			6.555,000	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hoàng Chu (đoạn từ giáp đường Võ Văn Kiệt đến Km0+550m) phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Quy mô tuyến đường Lê Hoàng Chu: chiều dài 550m; Quy mô đường nhánh: chiều dài 80 m; Thảm bê tông như rỗng C12,5, dày 7cm	10.000,000	10.000,000	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 15/5/2023			10.000,000			10.000,000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thành Tông (đoạn từ đường Hùng Vương đến Trạm Y Tế) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Đoạn từ đường Hùng Vương đến công Thành Niên L.: 270m; Đoạn từ công Thành niên đến Trạm Y tế phường 6 L.: 80m; Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm	7.300,000	7.300,000	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.300,000	7.300,000	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 26/10/2023			6.394,000			6.394,000	
13	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trương Công Định đến cầu Chà Y) phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Chiều dài 470m; bề rộng 26m, Bê tông nhựa C12.5 dày, trung bình 3cm	7.800,000	7.800,000	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	6.050,565	6.050,565	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 29/8/2023			6.050,000			6.050,000	
14	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ hẻm 129 đến đường Lê Duẩn), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1075m, bề rộng nền đường 18m Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	9.400,000	9.400,000	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	9.339,474	9.339,474	Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 19/11/2021			8.930,000			8.930,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thỉnh KC-HT	Năng lực thiết kế	Chưa trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chi phí
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
	Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển Nông thôn				3.600,000	3.600,000		3.600,000	3.600,000					3.600,000				3.600,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn kè và công kênh Nhãn Lục đường Lý Thường Kiệt, phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Công hợp tại kênh Nhãn Lục	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	3.600,000	3.600,000	Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	3.600,000	3.600,000				3.600,000				3.600,000	
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					19.120,000	19.120,000		18.225,221	18.225,221				4.856,323				4.856,323	
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m2, sân nội bộ, bồn hoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	1.920,000	1.920,000	Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	1.866,241	1.866,241				1.684,411				1.684,411	
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo Khối hành chính (01 thể, 01 lầu), khối phòng giáo viên (01 thể), hội trường, khu vệ sinh, ...	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.800,000	2.800,000	Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	2.677,980	2.677,980				2.357,650				2.357,650	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Chính trị Thành ủy Sóc Trăng	TPST	2021-2023	DT khu đất: 3.785,2 m2 - Công - hàng rào: 38 m2 - Sân đường - thoát nước: 904 m2 - Khối Nhà làm việc: 1.088 m2	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.400,000	14.400,000	Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	13.681,000	13.681,000				814,262				814,262	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					31.157,000	31.157,000		29.688,670	29.688,670	0,000	0,000		30.081,000				30.081,000	
1	Cải tạo Kênh 8m thành Công viên phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Công viên: nền lát gạch tự chọn kết hợp với nền đá granite; Bể vi 03 bể xử; Nhà vệ sinh công cộng	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.980,000	14.980,000	Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	13.904,151	13.904,151				13.904,000				13.904,000	
3	Cải tạo và hệ đường Võ Văn Kiệt và trang trí công chèo (đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 60 đến ngã ba Trà Mơn), phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Via hè, HTTN, chiếu sáng, lắp đặt công chèo	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.656,000	9.656,000	Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	9.656,000	9.656,000				9.656,000				9.656,000	
3	Xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Phạm Hùng (đoạn từ đường Cỏiuso đến đường Vành Đai I), phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	L=450m, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	6.521,000	6.521,000	Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.128,519	6.128,519				6.521,000				6.521,000	
	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					6.000,000	6.000,000		6.000,000	6.000,000				6.000,000				6.000,000	
1	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Mẫu giáo trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các Trường Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000,000	6.000,000	Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	6.000,000	6.000,000				6.000,000				6.000,000	
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, sát toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán													1.000,000				1.000,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chưa tương đương				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch
					Số quyết định nghị, thành, năm ban hành	TMBT		Số quyết định nghị, thành, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư																		
B	NGUỒN VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT					411.628,000	411.628,000	-	409.678,474	399.678,340	-	-	444.000,000	-	-	444.000,000			
I	Chuyển bị đầu tư												13.174,244			13.174,244			
II	Thực hiện dự án					411.628,000	411.628,000	-	409.678,474	399.678,340	-	-	355.435,460	-	-	355.435,460			
	Lĩnh vực Giao thông					203.687,000	203.687,000	-	202.045,320	197.045,186	-	-	168.994,333	-	-	168.994,333			
1	Cải tạo mặt đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Điện Biên Phủ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 208 m, bề rộng mặt đường từ 8,5m đến 9 m,	Nghị quyết số 123/NQ-HBND ngày 23/10/2020	1.100,000	1.100,000	Quyết định số 1483 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.023,037	1.023,037			878,424			878,424			
2	Cải tạo mặt đường Đặng Văn Viên (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đầu Hẻm 5), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 187m, bề rộng mặt đường 5,5m đến 6m,	Nghị quyết số 139/NQ-HBND ngày 23/10/2020	610,000	610,000	Quyết định số 1494 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	558,643	558,643			484,710			484,710			
3	Cải tạo mặt đường Kênh Xương (đoạn từ đường Võ Đình Sơn đến đường Chai-so), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 2.110m, bề rộng mặt đường từ 4m đến 6m,	Nghị quyết số 136/NQ-HBND ngày 23/10/2020	5.600,000	5.600,000	Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.166,795	5.166,795			4.916,941			4.916,941			
4	Nâng cấp, sửa chữa cầu C247 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục lại hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghị quyết số 134/NQ-HBND ngày 18/12/2020	14.940,000	14.940,000	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.940,000	14.940,000			14.458,384			14.458,384			
5	Nâng cấp, sửa chữa cầu 30/4 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục lại hư hỏng chiều dài cầu 60 mét,	Nghị quyết số 133/NQ-HBND ngày 18/12/2020	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.950,000	14.950,000			14.460,073			14.460,073			
6	Cải tạo mặt đường Bà Triệu, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 338 m, bề rộng mặt đường từ 4,5m đến 4,7m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa	Nghị quyết số 137/NQ-HBND ngày 23/10/2020	900,000	900,000	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	805,593	805,593			701,156			701,156			
7	Cải tạo mặt đường Kênh Hồ Nước Ngọt, phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 1.563m, bề rộng mặt đường 6m (tổng 0,5x2m),	Nghị quyết số 138/NQ-HBND ngày 23/10/2020	6.500,000	6.500,000	Quyết định số 1493 /QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.500,000	6.500,000			6.270,655			6.270,655			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ tính đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chị em
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TNĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TNĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
8	Cải tạo mặt đường Trần Văn Hòa, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	tổng chiều dài 376m, bề rộng mặt đường từ 5,5m 6m,	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.200.000	1.200.000	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	985.643	985.643			861.557			861.557			
9	Cải tạo mặt đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Tổng chiều dài 520 m, bề rộng mặt đường 6,5m,	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.000.000	2.000.000	Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.795.243	1.795.243			1.677.260			1.677.260			
10	Nâng cấp hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá đầm lèn nhựa,	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.980.000	14.980.000	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.939.340	14.939.340			13.681.000			13.681.000			
11	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng 8m, bề rộng 1,5m x 2,	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.500.000	7.500.000	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	6.626.075	6.626.075			5.717.664			5.717.664			
12	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1980m	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	8.300.000	8.300.000	Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.266.718	8.266.718			7.390.015			7.390.015			
13	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chảo, phường 5, thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kênh 77 và cầu kênh 2/9	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.000.000	7.000.000	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	6.996.738	6.996.738			6.504.123			6.504.123			
14	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9/8 Khu dân cư 9/A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Phân đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phần xe chạy rộng 9m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kết vach tìm đường	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.900.000	14.900.000	Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	14.896.812	14.896.812			14.136.350			14.136.350			
15	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Nhoai Chinh (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phông đến cầu Trà Lành) phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 820m, bề rộng đường 15m; Mặt đường lèn nhựa 2 lớp dày 2,5cm	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990.000	14.990.000	Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.900.000	14.900.000			14.682.480			14.682.480			
16	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Đình Cầu (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hân đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lợp bê tông nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750.000	11.750.000	Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	11.606.256	11.606.256			891.853			891.853			
17	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ kè và thi công đắp bồi bờ kè phía đường Lý Thường Kiệt,	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950.000	9.950.000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950.000	9.950.000			402.188			402.188			
18	Thăm nhựa mặt đường 9B Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Lý Thường Kiệt), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.146m; Lợp bê tông nhựa C12 5, dày 7cm; Thi công đắp bồi bờ kè, nền đường 0,5 kg/m2.	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.750.000	14.750.000	Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	14.713.733	14.713.733			14.713.000			14.713.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
19	Thăm nhua mặt đường 9A Khu dân cư 5A (doan từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường 9B Khu dân cư 5A), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.123m; Lốp bê tông nhua C12.5, dày 7cm; Tưới nhua định bán, tiêu chuẩn nhua 0,5 kg/m2	Nghị quyết số 112/NQ-HBND ngày 06/9/2022	14.860,000	14.860,000	Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	10.852,105	10.852,105			10.852,000			10.852,000			
20	Cải tạo, nâng cấp đường cấp kênh 30/4 (từ đường Lý Thánh Tông đến đường Vành đai I), phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	L=1.210m, rộng 7,5m, đá dăm láng nhua, Thoát nước, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 128/NQ-HBND ngày 21/10/2022	14.980,000	14.980,000	Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.974,134	14.974,000			14.974,000			14.974,000			
21	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy (doan từ đường Lê Duẩn đến đường 30/4), phường 3 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1020m; Tái trung: Mặt đường láng nhua, Sơn vạch kẻ đường; Lấp mới bê tông cốt thép nước, Lấp mới vỉa hè	Nghị quyết số 72/NQ-HBND ngày 25/10/2021	14.990,000	14.990,000	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.988,455	14.988,455			14.240,500			14.240,500			
22	Xây dựng đường D1 (doan từ đường Phan Văn Chiêu đến Km+750m), phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	2021-2025	Đường có chiều dài 755m, láng nhua đá dăm nước; HTTN dọc 2 bên bằng BTCT	Nghị quyết số 27/NQ-HBND ngày 25/10/2024	6.937,000	6.937,000	Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.610,000	6.610,000			6.100,000			6.100,000			
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn					34.625,000	34.625,000		34.022,457	34.022,457			19.364,905	0,000	0,000	19.364,905			
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cỏ Bèo), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Tường chắn dài 23 mét doan giáp với bên phải tuyến với công qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng đóng cọc BTCT 25x25 dài 8 mét	Nghị quyết số 77/NQ-HBND ngày 15/11/2021	8.800,000	8.800,000	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	8.800,000	8.800,000			7.764,198			7.764,198			
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng 02 bên bờ kênh Maspéro phường 1, phường 8 thành phố Sóc Trăng	P1,8	2021-2025	Chiều dài 280m, cải tạo bờ kè, cầu tàu, lối bộ hành	Nghị quyết số 07/NQ-HBND ngày 03/3/2023	14.725,000	14.725,000	Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	14.304,101	14.304,101			682,707			682,707			
3	Gia cố sát lở bờ kênh Kênh 3/2 (tại vị trí công đường Bạch Đằng), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Gia cố kè kênh 3/2 dài 68,2m, đường dài tại vị trí công dài 64m, rộng 4m	Nghị quyết số 08/NQ-HBND ngày 03/3/2023	2.800,000	2.800,000	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	2.618,356	2.618,356			2.618,000			2.618,000			
4	Dự án Kè gia cố bờ kênh 30/4 (doan từ Trạm y tế phường 6 đến đường Huỳnh Phan Hồ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2023-2025	Chiều dài kè gia cố mái kênh khoảng 1.060m, thoát nước, vỉa hè, HTCS	Nghị quyết số 35/NQ-HBND ngày 14/11/2023	8.300,000	8.300,000	Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.300,000	8.300,000			8.300,000			8.300,000			
	Lĩnh vực Văn hóa					22.299,000	22.299,000		22.272,740	22.272,740			20.951,107	0,000	0,000	20.951,107			
1	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4 và Cầu Maspéro thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4 có bề rộng 12 mét, chiều dài 60 mét; Trang trí Cầu Maspéro có bề rộng 14m, chiều dài 95m,	Nghị quyết số 135/NQ-HBND ngày 23/10/2020	12.200,000	12.200,000	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.173,740	12.173,740			11.784,744			11.784,744			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC, HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chi chi
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TN&BT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TN&BT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
2	Xây dựng Công chào và trang trí các tuyến đường Phạm Hùng, đường 30 Tháng 4, đường Mạc Đình Chi	TPST	2021-2025	Cổng chào đường 30 tháng 4 giáp Mỹ Xuyên, đường Phạm Hùng, đường Mạc Đình Chi	Ngày quyết số 76/NQ-H&ND ngày 25/10/2021	7.700,000	7.700,000	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.700,000	7.700,000			7.044,098			7.044,098			
3	Trang trí bờ kè và hệ lan can đèn Led nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Tổng chiều dài 673m	Ngày quyết số 67/NQ-H&ND ngày 07/9/2021	2.399,000	2.399,000	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	2.399,000	2.399,000			2.122,265			2.122,265			
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					65.768,000	65.768,000	-	66.955,873	61.955,874	-	-	82.368,518	0,000		82.368,518			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 308, đường Trần Hưng Đạo, phường 10, thành phố Sóc Trăng	PI0	2021-2025	Tổng chiều dài 273 m, rộng 2,5 m, kết cấu mặt hẻm bê tông cốt thép dày 10 cm, HTTN dọc tuyến	Ngày quyết số 125/NQ-H&ND ngày 23/10/2020	830,000	830,000	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	830,000	830,000			718,898			718,898			
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 383 (đoạn con lạt), đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Tổng chiều dài 423,5 m, bề rộng mặt hẻm 3,0 m, kết cấu mặt hẻm bê tông cốt thép dày 08 cm; HTTN dọc tuyến	Ngày quyết số 126/NQ-H&ND ngày 23/10/2020	1.150,000	1.150,000	Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.150,000	1.150,000			996,017			996,017			
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 05 hẻm trên địa bàn phường 07	Ngày quyết số 130/NQ-H&ND ngày 23/10/2020	2.880,000	2.880,000	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.546,939	2.546,939			2.305,560			2.305,560			
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 07 hẻm trên địa bàn phường 8	Ngày quyết số 128/NQ-H&ND ngày 23/10/2020	2.390,000	2.390,000	Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.390,000	2.390,000			2.174,407			2.174,407			
5	Lắp đặt hệ thống đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Ủy ban nhân dân phường 5 đến gần đường Chông Chác) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Lắp đặt 63 trụ đèn, cần đèn và bóng đèn	Ngày quyết số 151/NQ-H&ND ngày 18/12/2020	3.250,000	3.250,000	Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.250,000	3.250,000			3.200,382			3.200,382			
6	Trang trí đèn đường 66 thị trường mình thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	Ngày quyết số 30/NQ-H&ND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	9.950,000			8.748,254			8.748,254			
7	Cải tạo chống ngập khu vực trước bến xe khách đường Lê Duẩn, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	diện tích khoảng 1.940 m ² ; Thảm bê tông nhựa nóng C12,5; Xây dựng hệ thống thoát nước bằng công nghệ D600	Ngày quyết số 110/NQ-H&ND ngày 06/9/2022	1.000,000	1.000,000	Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	671,260	671,260			671,000			671,000			
8	Cải tạo, sửa chữa và thay thế bóng đèn Led tuyến đường Trần Hưng Đạo - Hai Bà Trưng - Lê Lợi thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay 273 bóng đèn Led, đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DST/A 3x16 mm ² tương ứng HDPE đi ngầm	Ngày quyết số 114/NQ-H&ND ngày 06/9/2022	4.921,000	4.921,000	Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.914,569	4.914,569			4.914,000			4.914,000			
9	Thay thế bóng đèn Led các tuyến đường cấp hai bờ sông Maspéro - Tuyến đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đầu Voi đến đường 98) - Tuyến đường Diên Biên Phú (đoạn từ giáp Cầu Chữ Y đến giáp cầu Maspéro)	TPST	2021-2025	Thay 403 bóng đèn Led; Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DST/A 3x16 mm ² tương ứng HDPE đi ngầm	Ngày quyết số 116/NQ-H&ND ngày 06/9/2022	4.700,000	4.700,000	Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.695,754	4.695,754			4.695,000			4.695,000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chưa tương đương tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chí chi
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
10	Cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn (đoạn từ vòng xoay Phú Lợi đến vòng xoay Mạc Đĩnh Chi), phường 3, phường 9 thành phố Sóc Trăng	P3.9	2021-2025	L=2.280m; Lợp vỉa hè bằng M75 dày 3cm; Lợp cấp phối loại 2 dày 10cm	Ngày quyết số 93/NO-HUBND ngày 17/12/2021	6.500,000	6.500,000	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.500,000	6.500,000			6.175,000		6.175,000				
11	Cải tạo, nâng cấp chống ngập úng tại vùng trũng đường Lê Duẩn - Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Xây dựng trạm bơm điện khu vực cửa xã chống thoát nước đường Lê Duẩn tại kênh Hitech	Ngày quyết số 10/NO-HUBND ngày 03/3/2023	7.200,000	7.200,000	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	7.200,000	7.200,000			7.055,000		7.055,000				
12	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Dương Kỳ Hiệp đến đường Trần Thủ Độ), phường 2, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P2-10	2021-2025	XD HTTN mặt đường, chiều dài bên tuyến 1.925m, bên phải 1,915 m, năm rãnh BTCT	Ngày quyết số 25/NO-HUBND ngày 25/10/2024	14.660,000	14.660,000	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	13.956,000	13.956,000			14.660,000		14.660,000				
13	Cải tạo hệ thống thoát nước đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu Khách Hàng), phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	L=750m, mặt đường B-3m, bằng BTCT; Thoát nước D400 dọc tuyến	Ngày quyết số 28/NO-HUBND ngày 25/10/2024	5.397,000	5.397,000	Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.997,000	2.997,000			2.990,000		2.990,000				
14	Cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Cầu Chá Y đến đường Yết Kiêu), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Mặt rộng vỉa hè, sân năm chiếu sáng	Ngày quyết số 23/NO-HUBND ngày 25/10/2024	940,000	940,000	Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	904,352	904,352			940,000		940,000				
15	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led các tuyến đường Phan Hùng và đường Nguyễn Đình Chiểu thành phố Sóc Trăng	P4.8	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số 1.180,000 ngày 5/2025	1.180,000	1.180,000	Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1.021,024	1.021,024			1.180,000		1.180,000				
16	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C247 đến Ủy ban nhân dân phường 5) phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số 1.010,000 ngày 5/2025	1.010,000	1.010,000	Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	862,213	862,213			1.010,000		1.010,000				
17	Cải tạo hệ thống chiếu sáng bằng đèn Led tuyến đường Lê Duẩn, Trần Quang Diêu, Xô Viết Nghệ Tĩnh và Trần Văn Sắc thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay thế đèn Led	Quyết định số 1.029,000 ngày 5/2025	1.029,000	1.029,000	Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	877,145	877,145			1.029,000		1.029,000				
18	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm 507 đường Lê Hồng Phong và Hẻm 567 đường Trần Hưng Đạo phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	XID hệ thống thoát nước	Quyết định số 9.724,248 ngày 5/2025	9.724,248	9.724,248	Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	8.415,315	8.415,315			9.724,248		9.724,248				
19	Xây dựng hệ thống thoát nước Hẻm 157 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	XID hệ thống thoát nước	Quyết định số 792,752 ngày 5/2025	792,752	792,752	Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	787,271	787,271			792,752		792,752				
20	Cải tạo hệ thống thoát nước các Hẻm trên địa bàn phường 2, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P2.3	2021-2025	Cải tạo hệ thống thoát nước	Quyết định số 2.156,000 ngày 5/2025	2.156,000	2.156,000	Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	1.460,345	1.460,345			2.156,000		2.156,000				
21	Cải tạo hệ thống thoát nước các Hẻm trên địa bàn phường 5, phường 6, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P5.6.7	2021-2025	Cải tạo hệ thống thoát nước	Quyết định số 6.233,000 ngày 5/2025	6.233,000	6.233,000	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	5.762,371	5.762,371			6.233,000		6.233,000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chia tương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bù trừ đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ghi	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
	Lĩnh vực giáo dục					30.895,000	30.895,000			30.894,514	30.894,514			24.631,947	-		24.631,947	
1	Xây dựng công trường rào, sân đường nhà xe mới ở trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2023	Hàng rào, sân đường, nhà xe	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 23/10/2021	4.200,000	4.200,000	Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.199,514	4.199,514				3.941,947			3.941,947	
2	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 thành phố Sóc Trăng (giai đoạn 2)	P6	2021-2025	Xây dựng khối 15 phòng học, 1 toilet, 2 lầu, tường BTCT, mái tole, nền gạch ceramic	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.965,000	14.965,000				14.960,000			14.960,000	
3	Xây dựng các phòng chức năng Trường Tiểu học phường 5 thành phố Sóc Trăng (điểm Chông Chải)	P5	2021-2025	Xây mới các phòng chức năng	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	5.730,000	5.730,000	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.730,000	5.730,000				5.730,000			5.730,000	
	Quản lý nhà nước					54.354,000	54.354,000		53.487,571	53.487,571				39.124,650			39.124,650	
1	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân khóm 3 phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân khóm 3 và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.500,000	1.500,000	Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500,000	1.500,000				1.401,939			1.401,939	
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	851,000	851,000	Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	851,000	851,000				772,001			772,001	
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 9, Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.513,000	1.513,000	Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	1.451,764	1.451,764				1.290,260			1.290,260	
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	4.565,000	4.565,000	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	4.098,439	4.098,439				3.438,172			3.438,172	
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóm trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.812,000	1.812,000	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	1.673,124	1.673,124				1.289,300			1.289,300	
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đối 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	629,000	629,000	Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	629,000	629,000				556,796			556,796	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đối phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phong, thay gạch lát nền, xử lý chống dột, ...	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.030,000	1.030,000	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	830,243	830,243				726,909			726,909	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chênh lệch
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
8	Xây dựng Phòng Truyền thanh và Thông tin thuộc Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh TP Sóc Trăng	P9	2021-2025	Diện tích đất xây dựng: 437,3 m ² . - Xây dựng trụ sở Đài truyền thanh (gồm 01 trệt, 02 lầu) và các hạng mục phụ trợ	Ngày quyết số 118/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	9.630,000	9.630,000	Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	9.630,000	9.630,000			9.630,000			9.630,000			
9	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Diện tích khu đất: 2.979,70 m ² ; Diện tích đất xây dựng: 411,38m ² , Diện tích sân xây dựng 1.239,48m ² , gồm 01 trệt, 02 lầu và các hạng mục phụ trợ trên	Ngày quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.997,000	14.997,000	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	14.997,000	14.997,000			14.997,000			14.997,000			
10	Lập đất hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân các phường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	LD hệ thống PCCC	Ngày quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	2.230,000	2.230,000	Quyết định số 1552/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	2.230,000	2.230,000			2.098,000			2.098,000			
11	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân Liên khóm 4, 5 phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Nhà làm việc liên khóm, hội trường.	Ngày quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	1.597,000	1.597,000	Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	1.597,000	1.597,000			1.573,063			1.573,063			
12	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	trụ sở 1 trệt, 2 lầu, nhà xe, hội trường và các HM khác	Ngày quyết số 29/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000,000	14.000,000	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2025	14.000,000	14.000,000			1.351,210			1.351,210			
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán												6.000,000			6.000,000			
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư												69.382,296			69.382,296			
V	Ngân sách thành phố đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Sóc Trăng												8,000			8,000			



Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
GIẢI ĐOÀN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
(Kèm theo Phụ lục số 94/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Ngày lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoàn 2021-2025 sau điều chỉnh bớt KH số 16/NQ- UBND ngày 28/5/2025	Điều chỉnh tăng (+) giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoàn 2021- 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					115.562,000	63.742,000	0,000	115.561,999	43.842,000		58.085,900			58.085,900	
I	Lĩnh vực Giao thông					24.950,000	24.950,000		24.950,000	15.000,000		14.931,000			14.931,000	
1	Xây dựng Đường dân sinh cấp bờ kè sông Maspero phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 650 mét, Xây dựng 01 cầu giao thông...	2021 16/1/NQ- UBND ngày 10/3/2021	Nghe quyết số 161/NQ- UBND ngày 10/3/2021	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 729/QĐ- UBND ngày 28/5/2021	10.000,000	10.000,000		9.931,000			9.931,000	
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	L=658m, Hệ thống thoát nước, Bồn hóa, bô vĩa, Cầu tàu	2021- 49/NQ-UBND ngày 18/7/2021	Nghe quyết số 49/NQ-UBND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1117/QĐ- UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	5.000,000		5.000,000			5.000,000	
II	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					65.462,000	13.642,000		65.462,000	13.642,000		13.605,900			13.605,900	
1	Cải tạo nâng cấp trụ sở Công an thành phố Sóc Trăng	P1	Hàng rào, bếp ăn và khối tập thể của cán bộ, chiến sĩ	2021- 43/NQ-UBND ngày 18/7/2021	Nghe quyết số 43/NQ-UBND ngày 18/7/2021	722,000	722,000	Quyết định số 1103/QĐ- UBND ngày 17/8/2021	722,000	722,000		685,900		-	685,900	
2	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bên hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021- 21/NQ-UBND ngày 20/5/2022	Nghe quyết số 21/NQ-UBND ngày 20/5/2022	64.740,000	12.920,000	Quyết định số 2370/QĐ- UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	12.920,000		12.920,000		-	12.920,000	
III	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					14.950,000	14.950,000		14.949,999	5.000,000		5.000,000		-	5.000,000	
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021- 50/NQ-UBND ngày 18/7/2021	Nghe quyết số 50/NQ-UBND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1310/QĐ- UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	5.000,000		5.000,000		-	5.000,000	
IV	Lĩnh vực Giáo dục					30.549,000	30.549,000					24.549,000			24.549,000	



1	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Mẫu giáo trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Ngũ quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000,000	6.000,000	Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	6.000,000	6.000,000		0,000				0,000
2	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Tiểu học các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Ngũ quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	13.699,000	13.699,000	Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	13.669,000	13.669,000		13.699,000				13.699,000
3	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối THCS trên địa bàn thành phố	2023-2025	Ngũ quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	10.850,000	10.850,000					10.850,000				10.850,000



Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẸNG HẠNG MÓN NGUỒN KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2020 CHƯA SỬ DỤNG CHUYÊN SANG NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 30/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)



ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/3/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng (01 dự án)					690,000	690,000		690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	
I	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (01 dự án)					690,000	690,000		690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	
1	Cải tạo 04 phòng học Trường Mẫu giáo 10 Xuân (điểm 1e), thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo 04 phòng học, nhà vệ sinh và sân đường thoát nước	2021-2025	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	690,000	690,000	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	690,000	690,000		690,000	-	-	690,000	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XUNG HẠN VỐN TÌNH HỖ TRỢ CÓ MỨC TIÊU TỪ NGUỒN XỎ SỔ KIẾN THIẾT
GIẢI THOÀN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

Kiểm tra và tính số 30/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

H	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bỏ trí đến bết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 16/NQ- UBND ngày 28/5/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh	Chi cả
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					244.505,000	244.505,000		242.311,000	242.311,000		241.520,000		-1.270,000	240.250,000	
	Lĩnh vực Giáo dục					244.505,000	244.505,000		242.311,000	242.311,000		241.520,000		-1.270,000	240.250,000	
1	Xây dựng trường mẫu giáo Ân Xuân - thành phố Sóc Trăng	TPST	Xây dựng Khối Hiệu bộ, khối 09 phòng học, nhà đa năng và các HM phụ trợ	2021- 2025	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.900,000	14.900,000	Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.900,000	14.900,000		14.540,000		-	14.540,000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học phường 1 - thành phố Sóc Trăng	P1	Khởi HC quần trí, 10 phòng học, phòng chức năng	2021- 2025	Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.975,000	14.975,000		14.425,000		-	14.425,000	
3	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Khởi hành chỉnh quần trí và các HM phụ trợ	2021- 2025	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.835,000	14.835,000		14.745,000		-	14.745,000	
4	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	XD khối 20 phòng học	2021- 2025	Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	14.500,000	14.500,000	Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.500,000	14.500,000		14.485,000		-	14.485,000	
5	Xây dựng khối hành chính quản trị trường THCS Lê Quý Đôn - thành phố Sóc Trăng	P4	XD khối hành chính quản trị	2021- 2025	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	5.255,000	5.255,000	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	5.255,000	5.255,000		5.180,000		-	5.180,000	
6	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng. Hạng mục: 6 phòng học	P2	XD khối phòng, khối HC quần trí	2021- 2025	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 7/9/2021	14.975,000	14.975,000	Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	14.975,000	14.975,000		14.975,000		-	14.975,000	

7	Cải tạo tường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khối phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	9.700,000	9.700,000	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	9.700,000	9.700,000	9.580,000				9.580,000
8	Trường Mẫu giáo 1/6	P6	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	13.000,000	13.000,000	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	13.000,000	13.000,000	13.000,000				13.000,000
9	Cải tạo, nâng cấp tường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	10.940,000	10.940,000	Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	10.940,000	10.940,000	10.940,000				10.940,000
0	Cải tạo nâng cấp tường Tiểu học Lâm Thành Hưng, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P2	XD khối phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	14.950,000	14.950,000	14.950,000				14.950,000
1	Xây dựng 15 phòng học trường tiểu học phường 10 - thành phố Sóc Trăng	P10	XD khối 15 phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	11.015,000	11.015,000	Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	11.015,000	11.015,000	11.000,000				11.000,000
2	Cải tạo, nâng cấp tường Tiểu học Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	XD khối 8 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	8.500,000	8.500,000	Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	8.500,000	8.500,000	8.500,000				8.500,000
3	Cải tạo, nâng cấp tường TH Mạc Đình Chi, trường TH Hưng Vương và trường TH Bạch Đằng thành phố Sóc Trăng	TPST	Cải tạo 3 điểm trường	2021-2025	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	13.800,000	13.800,000	Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	13.800,000	13.800,000	13.800,000				13.800,000
4	Cải tạo tường THCS Tôn Đức Thắng thành phố Sóc Trăng	P5	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	10.300,000	10.300,000	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	10.300,000	10.300,000	10.300,000				10.300,000
5	Xây dựng trường THCS phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	15 phòng	2021-2025	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	14.965,000	14.965,000	14.900,000				14.900,000
6	Xây dựng trường Tiểu học Kim Đồng, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	(Hàng mục: 05 phòng học, 05 phòng bộ môn và các hàng mục phụ trợ khác)	2021-2025	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	10.000,000	10.000,000	10.000,000				10.000,000
7	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 3, lớp 7	2021-2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	9.580,000	9.580,000	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	8.757,000	8.757,000	8.000,000				8.000,000

8	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 4, lớp 8, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 4, lớp 8	2025	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	39/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	9.491,000	9.491,000		9.600,000		-110,000	9.490,000	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13/3/2025
9	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 5, lớp 9, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 5, lớp 9	2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	9.600,000	9.600,000	34/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	8.907,000	8.907,000		9.600,000		-700,000	8.900,000	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13/3/2025
0	Trạm y tế phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	Khoá nhà chính 1 trệt 1 lầu, nhà kho - bếp, nhà để xe,...	2025	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	5.000,000	5.000,000	44/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	4.546,000	4.546,000		5.000,000		-460,000	4.540,000	Điều chỉnh giảm theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13/3/2025
1	Các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư cho ngân sách địa phương															
1	Dự án đường vào Khu vui chơi triển lãm và hội chợ tỉnh Sóc Trăng (đường N7, đường N8 đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường D8) thành phố Sóc Trăng	P4	San lấp mặt bằng, đường giao thông dài 414m, đường N7, N8, D8, đường vào khu triển lãm và hội chợ	2025	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 19/11/2024	14.000,000	14.000,000	20/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	14.000,000	14.000,000		14.000,000			14.000,000	



Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRONG KHU VỰC CÔNG TỈNH HỒ TRỌNG TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT



Đã được UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/5/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cân đối NS địa phương và thu tiền sử dụng đất			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					14.950,000	14.950,000		14.950,000	14.950,000		14.610,000	-	-	14.610,000	
	Lĩnh vực Giao thông															
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo hướng đến Trà Tim thành phố Sóc Trăng	TPST	I=150SM, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.950,000	14.950,000		14.610,000	-	-	14.610,000	



Phụ lục VI
KẾ HOẠCH BẮT TỰ TRỪNG HẠN VỐN TÌNH HỒ TRỢ TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ, ĐẤT CÔNG
GIẢI HOÀN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
Kiểm tra, trả lời số 90/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/5/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021- 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	
	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					64.740,000	27.206,000		64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	
1	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021-2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	27.206,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	27.206,000		27.206,000	-	-	27.206,000	

ĐVT: Triệu đồng

Phụ lục VII

BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀNG HẠY AN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020 GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC



Kiểm tra và ký duyệt: 4/TT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KHI năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/5/2025)	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng (01 dự án)					14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608		14.570,000	-	-	14.570,000	
I	Lĩnh vực Giao thông (01 dự án)					14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608		14.570,000	-	-	14.570,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường 30/4 (đoạn Lã Duẩn đến thị trấn Mỹ Xuyên) thành phố Sóc Trăng	TPST	I=2250m, 1,60m bề rộng nhựa CI2.5, dày 6cm	2021-2022	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.600,000	14.600,000	Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.576,608	14.576,608		14.570,000	-	-	14.570,000	